

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74A/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 tháng 11 năm 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Môn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị H – sinh năm 1978.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T – sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số 13, ngõ 110, đường Đào Sư Tích, tổ Vĩnh Ninh, phường HVT, thành phố B, tỉnh B.

(Chị H và anh T đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vi Thị H trình bày:***

\* Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tự do tìm hiểu, ngày 16/2/2000 chị kết hôn với anh Nguyễn Bá T; có đăng ký kết hôn tại UBND phường HVT, thành phố B và đã được cấp giấy đăng ký kết hôn. Anh, chị được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Hai vợ chồng chung sống với gia đình anh T một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Ngay sau khi kết hôn, giữa anh chị đã có những bất đồng nhưng cả hai cùng cố gắng dung hòa để tiếp tục chung sống. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ, chồng trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống. Anh T có nhiều mối

quan hệ làm ăn kinh tế rất phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý và sinh hoạt hàng ngày của các thành viên trong gia đình. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ, không thể tìm được tiếng nói chung. Nếu cố kéo dài cuộc sống chung như hiện tại, chị và anh T không thể có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Vi NA – sinh ngày 30/12/2000 và Nguyễn Vi Ngọc L – sinh ngày 13/11/2005. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con Nguyễn Vi Ngọc L vì cháu là con gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Con chung Nguyễn Vi NA đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 9/10/2020, bị đơn là anh Nguyễn Bá T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: anh T trình bày thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H, không có yêu cầu gì.

***Tại Biên bản xác minh ngày 22/10/2020, đại diện Tổ dân phố Vĩnh Ninh 1 cung cấp:*** Địa phương chỉ biết anh T và chị H có mâu thuẫn dẫn đến phải ra Tòa giải quyết ly hôn nhưng không rõ nguyên nhân là gì. Anh T và chị H có hai con gái chung. Anh, chị đều có việc làm nhưng địa phương không rõ làm ở đâu, thu nhập bao nhiêu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Chị không cung cấp tài liệu chứng minh mức thu nhập và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ gì; đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm vụ án để chị ổn định cuộc sống

Anh T trình bày: Từ năm 2017, công việc làm ăn của anh gặp khó khăn, dẫn đến nợ nần. Nhiều lần, chủ nợ có tìm đến nhà đòi nợ, chị H không chịu được áp lực dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn. Nay, anh thuận tình ly hôn chị H nhưng yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Vi Ngọc L. Công việc chị H rất bận rộn, không

có thời gian chăm sóc con chu đáo bằng anh. Anh không có tài liệu chứng minh thu nhập và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì. Mặc dù còn một số khoản nợ nhưng anh vẫn cân đối, sắp xếp được cuộc sống để nuôi dạy con chu đáo. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các nội dung khác thì anh giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự, còn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Bá T.

- Về con chung: Giao chị Vi Thị H nuôi con chung Nguyễn Vi Ngọc L – sinh ngày 13/11/2005. Con chung Nguyễn Vi NA – sinh ngày 30/12/2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Bá T có hộ khẩu thường trú tại phường HVT, thành phố B, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đăng ký kết hôn tại UBND phường HVT, thành phố B, tỉnh B vào ngày 16/2/2000, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, được tự do tìm nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T đều xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017. Hai bên gia đình và Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết. Tại phiên tòa, anh T nhất trí ly hôn chị H. Do vậy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận có 2 con chung là Nguyễn Vi NA - sinh ngày 30/12/2000 và Nguyễn Vi Ngọc L - sinh ngày 13/11/2005. Về con chung Nguyễn Vi NA đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Vi Ngọc L, chị H và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Ngọc L là cháu gái, rất cần có sự quan tâm, giúp đỡ của mẹ trong quá trình phát triển tâm sinh lý tuổi dậy thì. Do đó, giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc L là phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Giao chị Vi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vi Ngọc L - sinh ngày 13/11/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Con chung Nguyễn Vi NA - sinh ngày 30/12/2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001464 ngày 20/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND P. HVT, TP. B; tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hương Giang**